

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 6 năm 2021

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Quốc Doanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Ngọc Tân

2. Bà Nguyễn Thị Đoan

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXX-ST ngày 14/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Việt T, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Vũ Tuấn A, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Anh A có mặt, chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Lê Thị Việt T có yêu cầu khởi kiện và trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Việt T kết hôn với anh Vũ Tuấn A trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã C), huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 25/10/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng về quê sinh sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống, chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp sinh sống, vợ chồng ly thân từ

tháng 7/2019 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị T trình bày, vợ chồng có 01 con chung là Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 29/01/2018. Hiện con chung đang ở với chị từ khi vợ chồng ly thân. Ly hôn chị T đề nghị, chị nhận nuôi con chung và không yêu cầu Anh A cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị T làm nhân viên của cửa hàng điện thoại di động thu nhập 9.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Đối với bị đơn anh Vũ Tuấn A trình bày tại phiên tòa như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Việt T có tự do tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã C), huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 25/10/2017, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 7/2019 chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Việt T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 29/01/2018. Hiện con chung đang ở với chị T từ khi vợ chồng ly thân. Ly hôn anh đề nghị hiện nay anh làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định nên anh nhất trí giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Lê Thị Việt T và anh Vũ Tuấn A là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có Đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn M, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành việc thu thập chứng cứ, vì vậy không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị T, Anh A được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã C),

huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 25/10/2017 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Anh A, chị T đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay và chị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp sinh sống. Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án đã kiên trì hòa giải, động viên để hai bên đoàn tụ song không có kết quả, chị T, Anh A đều muốn ly hôn. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn Anh A là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và Anh A có 01 con chung là cháu Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 29/01/2018. Ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, Anh A cũng nhất trí. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của chị T là chính đáng. Kể từ khi vợ chồng ly thân, một mình chị T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, con Vũ Quỳnh A1 khỏe mạnh, phát triển bình thường như các bạn cùng lứa tuổi. Chị T có công việc ổn định, thu nhập trung bình 9.000.000 đồng/01 tháng, điều kiện sinh hoạt đảm bảo. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao con chung Vũ Quỳnh A1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu Anh A phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, Anh A đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Việt T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Việt T được ly hôn anh Vũ Tuấn A.
2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Lê Thị Việt T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 29/01/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu Anh A phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, Anh A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Việt T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được đối trừ với tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001862 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/6/2021). Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật ./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã C, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Doanh**

